ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 976 /QĐ-UBND	*Bắc Ninh, ngày 28 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt thủ tục hành chính được lập sơ đồ, quy trình giải quyết của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tiếp nhận tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Bắc Ninh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Hành chính công tỉnh tại Tờ trình số 63/TTr-TTHCC ngày 25/6/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt 46 thủ tục hành chính được lập sơ đồ, quy trình giải quyết của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tiếp nhận tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Bắc Ninh

(*kèm theo Danh mục TTHC, Quy trình và sơ đồ từng TTHC*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Trung tâm Hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT, XDCB, CVP, PCVP.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Nhường

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC LẬP SƠ ĐỒ, QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TIẾP NHẬN TẠI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH BẮC NINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 946 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Mã số	Tên thủ tục
	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM	
1	QTT-KCN-01	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
2	QTT-KCN-02	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
3	QTT-KCN-03	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
4	QTT-KCN-04	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
5	QTT-KCN-05	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
6	QTT-KCN-06	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
7	QTT-KCN-07	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
8	QTT-KCN-08	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)
9	QTT-KCN-09	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
10	QTT-KCN-10	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ
11	QTT-KCN-11	Chuyển nhượng dự án đầu tư
12	QTT-KCN-12	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế
13	QTT-KCN-13	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài
14	QTT-KCN-14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
15	QTT-KCN-15	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
16	QTT-KCN-16	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
17	QTT-KCN-17	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
18	QTT-KCN-18	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương

19	QTT-KCN-19	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư
20	QTT-KCN-20	Quyết định chủ trương đầu tư của Ban quản lý
21	QTT-KCN-21	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ban quản lý
22	QTT-KCN-22	Giãn tiến độ đầu tư
23	QTT-KCN-23	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư
24	QTT-KCN-24	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư
25	QTT-KCN-25	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư
26	QTT-KCN-26	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
	LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	
27	QTT-KCN-27	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
28	QTT-KCN-28	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
29	QTT-KCN-29	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
30	QTT-KCN-30	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
31	QTT-KCN-31	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
	LĨNH VỰC VIỆC LÀM	
32	QTT-KCN-32	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài
33	QTT-KCN-33	Cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam
34	QTT-KCN-34	Cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam
35	QTT-KCN-35	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động
36	QTT-KCN-36	Đăng ký Nội quy lao động của doanh nghiệp
37	QTT-KCN-37	Gửi Thỏa ước lao động tập thể cấp doanh nghiệp
38	QTT-KCN-38	Đăng ký đưa lao động Việt Nam đi thực tập nâng cao tay nghề tại nước ngoài dưới 90 ngày
	LĨNH VỰC XÂY DỰNG CƠ BẢN	
39	QTT-KCN-39	Cung cấp thông tin quy hoạch (Cấp Chứng chỉ quy hoạch)
40	QTT-KCN-40	Thẩm định án / dự án điều chỉnh; Thẩm định thiết kế cơ sở / hoặc thẩm điện thiết kế cơ sở điều chỉnh (Ban quản lý các KCN Bắc Ninh thực hiện thủ tục Thẩm định thiết kế cơ sở / hoặc thẩm điện thiết kế cơ sở điều chỉnh đối với công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình trong KCN được quy định tại khoản 4, điều 1, Nghị định 42/2017/NĐ-CP)
41	QTT-KCN-41	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng / Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh đối với công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu công nghiệp được quy định tại khoản 11, điều 1, Nghị định 42/2017/NĐ-CP (ghi chú: Ban quản lý các KCN Bắc Ninh không thực hiện thẩm định dự toán đối với dự án đầu tư vào khu công nghiệp)

42	QTT-KCN-42	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình (có vốn đầu tư nước ngoài/trong nước) thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu công nghiệp
43	QTT-KCN-43	Gia hạn Giấy phép xây dựng đối với đối với công trình (có vốn đầu tư nước ngoài / trong nước) thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu công nghiệp
44	QTT-KCN-44	Điều chỉnh Giấy phép xây dựng đối với công trình (có vốn đầu tư nước ngoài / trong nước) thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu công nghiệp
45	QTT-KCN-45	Cấp Giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình đối với công trình (có vốn đầu tư nước ngoài / trong nước) thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu công nghiệp
46	QTT-KCN-46	Cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn đối với công trình (có vốn đầu tư nước ngoài / trong nước) thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu công nghiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG

QUY TRÌNH

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH (ĐỐI VỚI DỰ ÁN KHÔNG THUỘC DIỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

MÃ SỐ : QTT-KCN-01

LẦN BAN HÀNH : 01

NGÀY BAN HÀNH : / /2019

	SOÁT XÉT	PHÊ DUYỆT
Họ và tên		
Chữ ký		
Chức vụ		

LÝ LỊCH SỬA ĐỔI

Ngày tháng	Trang, dòng sửa đổi	Nội dung sửa đổi	Lần ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự các bước, trách nhiệm thực hiện, thời gian thực hiện giải quyết thủ tục hành chính *Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).*

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Quy trình này áp dụng đối với hoạt động tiếp nhận, xem xét và giải quyết thủ tục hành chính *Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)* cho tổ chức, cá nhân.

Trung tâm hành chính công, Ban Quản lý các khu công nghiệp có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, cá nhân liên quan thực hiện quy trình này.

3. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015
- Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.9

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- **UBND:** Ủy ban nhân dân
- **TTHC:** Thủ tục hành chính
- **HCC:** Hành chính công
- **KCN:** Khu công nghiệp
- **Phòng tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính**: Phòng TN&GQTTHC

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	**Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính**		
	Đáp ứng nội dung thâm định tại Khoản 6 Điều 33 Luật Đầu tư.		
5.2	**Thành phần hồ sơ**	**Bản chính**	**Bản sao**
	1. Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư.	x	
	2. Chứng minh thư nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức.		x
	3. Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án.	x	
	4. Có một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực của nhà đầu tư.		x
	5. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.	x	x

	Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nhà đầu tư nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư.		
	6. Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên, công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ, thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính.	**x**	
	7. Hợp đồng BBC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BBC	**x**	
5.3	**Số lượng hồ sơ**		
	04 bộ		
5.4	**Thời hạn giải quyết**		
	32 ngày (không kể thời gian luân chuyển hồ sơ giữa các cơ quan)		
5.5	**Nơi tiếp nhận hồ sơ**		
	Trung tâm hành chính công tỉnh.		
5.6	**Lệ phí**		
	Không		
5.7	**Kết quả giải quyết thủ tục hành chính**		
	Văn bản quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Văn bản thông báo từ chối quyết định chủ trương đầu tư.		
5.8	**Quy trình xử lý công việc**		
5.8.1	**Bản đồ**		
	Xem Phụ lục 01		
5.8.2	**Nội dung quy trình**		

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu

B1	***Nộp hồ sơ*** Tổ chức/ Cá nhân chuẩn bị bộ hồ sơ theo quy định tại mục 5.2 nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm hành chính công tỉnh. *Trường hợp đến trực tiếp, tổ chức cá nhân thực hiện các bước sau:* *- Lấy số ở Bảng thông tin quầy số bằng cách chọn cơ quan cần nộp hồ sơ.* *- Đến quầy tương ứng, chờ đọc đến số để nộp hồ sơ.* ***Tiếp nhận và chuyển hồ sơ*** Chuyên viên tại quầy tiếp nhận hồ sơ và kiểm tra hồ sơ theo *quy định tại Quyết định 27/2015/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 do UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành*: - Nếu hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết; - Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể theo *theo mẫu số 1, Quyết định 27/2015/QĐ-UBND ngày 12/8/2015* - Nếu hồ sơ hợp lệ, scan hồ sơ, nhập thông tin vào hệ thống một cửa điện tử, in Giấy biên nhận hồ sơ từ phần mềm cho tổ chức/ cá nhân. Sau đó, + Luân chuyển hồ sơ trên hệ thống một cửa điện tử đến lãnh đạo Phòng nghiệp vụ - Ban Quản lý Khu công nghiệp để phân công chuyên viên xử lý. + Hồ sơ bản cứng, in phiếu giao nhận hồ sơ từ hệ thống một cửa điện tử, làm các thủ tục bàn giao với bưu chính để chuyển hồ sơ cho Phòng nghiệp vụ xử lý hồ sơ.	Tổ chức/ cá nhân Chuyên viên tiếp nhận hồ sơ	0.25 ngày	Phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ Giấy biên nhận hồ sơ
B2	***Phân công xử lý, kiểm tra, thẩm định hồ sơ*** Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Lãnh đạo Phòng nghiệp vụ phân công chuyên viên xử lý và luân chuyển hồ sơ trên hệ thống một cửa điện tử. Chuyên viên Phòng nghiệp vụ có trách nhiệm kiểm tra và thẩm định hồ sơ: + Nếu đủ điều kiện, gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan đến những nội dung quy định tại khoản 3, Điều 30 Nghị định 118/2015/NĐ-CP. + Nếu không đủ điều kiện, chuyên viên soạn thảo văn bản thông báo cho tổ chức/cá nhân, nêu rõ lý do, báo cáo Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Ban ký duyệt thông báo và chuyển về Phòng TN&GQTTHC để thông báo cho tổ chức/cá nhân.	Lãnh đạo phòng Chuyên viên phòng nghiệp vụ	02 ngày	*Dự thảo Văn bản gửi các cơ quan xin ý kiến* *Văn bản thông báo (nếu có)* *Văn bản xin lỗi (nếu có)*

	+ Nếu giải quyết quá hạn, soạn thảo văn bản xin lỗi cá nhân, trong đó ghi rõ lý do quá hạn, thời hạn trả kết quả, báo cáo Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Ban ký duyệt văn bản xin lỗi.			
B3	***Ký duyệt văn bản xin ý kiến*** Lãnh đạo Ban xem xét văn bản xin ý kiến, ký duyệt để xin ý kiến các cơ quan liên quan	Lãnh đạo Ban	01 ngày	*Văn bản gửi các cơ quan xin ý kiến*
B4	***Các cơ quan liên quan góp ý thẩm định hồ sơ*** Căn cứ vào văn bản xin ý kiến kèm hồ sơ của Ban QLKCN gửi, các cơ quan góp ý thẩm định. Khi chuyển hồ sơ cho các cơ quan liên quan, chuyên viên thường xuyên liên hệ, đôn đốc các đơn vị này thực hiện đúng thời gian quy định	Cơ quan liên quan	15 ngày	*Văn bản góp ý*
B5	***Lập dự thảo báo cáo tổng hợp ý kiến thẩm định*** Chuyên viên Phòng nghiệp vụ tiếp nhận ý kiến thẩm định từ các cơ quan liên quan, lập dự thảo báo cáo tổng hợp ý kiến thẩm định trình lãnh đạo phòng xem xét sau đó chuyển tới lãnh đạo Ban quản lý KCN.	Phòng nghiệp vụ	04 ngày	*Dự thảo báo cáo tổng hợp ý kiến thẩm định*
B6	***Kiểm tra*** Lãnh đạo Ban quản lý KCN kiểm tra nội dung báo cáo thẩm định: + Nếu đồng ý với nội dung báo cáo thì ký thông qua và trình báo cáo thẩm định tới UBND cấp tỉnh. + Nếu không đồng ý với nội dung báo cáo thì quay lại bước 5.	Lãnh đạo Ban quản lý KCN	2.5 ngày	*Tờ trình kèm Báo cáo thẩm định*
B7	***Phê duyệt*** Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ trình từ Ban QLKCN, báo cáo lãnh đạo UBND tỉnh xem xét phê duyệt Văn bản quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Văn bản thông báo từ chối quyết định chủ trương đầu tư. Kết quả chủ trương đầu tư được gửi lại Ban quản lý KCN.	VP UBND tỉnh Lãnh đạo UBND tỉnh	07 ngày	*Văn bản quyết định hoặc thông báo*
B8	***Trả kết quả*** - Sau khi tiếp nhận *Văn bản quyết định hoặc thông báo* của UBND tỉnh, chuyên viên Phòng nghiệp vụ làm các thủ tục bàn giao với bưu chính chuyển về Phòng TN&GQTTHC của Trung tâm HCC để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Sau khi nhận kết quả từ bưu chính, Phòng TN&GQTTHC nhập thông tin vào hệ thống một cửa điện tử và thông báo tổ chức, cá nhân đến lấy kết quả. Khi tổ chức, cá nhân nhận kết quả, yêu cầu ký	Chuyên viên Phòng nghiệp vụ Phòng TN&GQT	0.25 ngày	*Văn bản quyết định hoặc thông báo* *Giấy biên nhận hồ sơ*

	vào *Giấy biên nhận hồ sơ.* *Trường hợp, thời gian có kết quả sớm hơn so với thời gian hẹn trả kết quả,* Phòng TN&GQTTHC *có trách nhiệm thông báo cho cá nhân đến lấy kết quả sớm.*	THC		
5.9	**Cơ sở pháp lý**			
	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 v/v Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư vào báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.			

6. BIỂU MẪU, PHỤ LỤC

Mã số	Tên biểu mẫu, phụ lục
Phụ lục 01	Bản đồ quy trình
Mẫu và biểu mẫu thực hiện theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015	
Mẫu I.1	Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Mẫu I.2	Đề xuất dự án đầu tư

7. HỒ SƠ LƯU

TT	Thành phần hồ sơ	Trách nhiệm	Thời gian
1.	Giấy biên nhận hồ sơ	Trung tâm HCC	01 năm
2.	Thông báo về việc bổ sung hồ sơ (nếu có)	Trung tâm HCC	
3.	Thông báo về việc hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết (nếu có)	Trung tâm HCC	
4.	Văn bản xin lỗi đối với hồ sơ giải quyết quá hạn và hẹn lại thời gian trả kết quả (nếu có)	Trung tâm HCC	

		VNĐ	Tươngđương USD	(%)	(*)	

Ghi chú:

(*): *Phươngthứcgópvốn: ghigiátrịbằngtiềnmặt, máymócthiếtbị, giátrịquyềnsửdụngđất, bíquyếtcôngnghệ,……*

b) Vốn huy động: ghirõsốvốn, phươngánhuyđộng (*vaytừtổchứctíndụng/côngtymẹ,...)*vàtiếnđộdựkiến.

c) Vốn khác: ……..

6. Thờihạnthựchiện/hoạtđộngcủadựán: ……..

7. Tiếnđộthựchiệndựán*(ghitheomốcthờiđiểmtháng (hoặcquý)/năm. Vídụ: tháng 01(hoặcquý I)/2018):*Dựkiếntiếnđộchuẩnbịđầutư, đềnbùgiảiphóngmặtbằng, thờigianxâydựng, thờigianvậnhànhsảnxuất, kinhdoanh, cungcấpdịchvụ ….

8. Nhucầuvềlaođộng*(nêucụthểsốlượnglaođộngtrongnước, sốlượnglaođộnglàngườinướcngoàicầnchodựántheotừnggiaiđoạncụthể):….*

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ...).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ:*(áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tạiđiểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)*

- Tên công nghệ;

- Xuất xứ công nghệ;

- Sơ đồ quy trình công nghệ;

- Thông số kỹ thuật chính;

- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;

- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;

- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giảitrìnhviệcđápứngđiềukiệnđầutưápdụngđốivớinhàđầutưnướcngoài*(nếucó):* ……..

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ *(ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)*

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)*:...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)*:...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)*:

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư *(nếu có)*: .....

Làmtại ....., ngày ..... tháng .....năm.....

Nhàđầutư

Từngnhàđầutưký,

ghirõhọtên,chứcdanhvàđóngdấu*(nếu có)*

Mẫu I.2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độclập – Tự do – Hạnhphúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Ngày .... tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghitêntừngnhàđầutư)

Đềnghịthựchiệndựánđầutưvớicácnội dung nhưsau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Têndựán, địađiểmthựchiệndựán:

1.1. Têndựán:.....

1.2. Địađiểmthựchiệndựán: .....

(Đốivớidựánngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghisốnhà, đườngphố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thànhphố. Đốivớidựántrong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghisố, đườnghoặclô..., tênkhu, quận/huyện, tỉnh/thànhphố).

2. Mụctiêudựán:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tênngành *(Ghitênngànhcấp 4 theo VSIC)*	Mãngànhtheo VSIC *(Mãngànhcấp 4)*	Mãngành CPC (*) *(đốivớicácngànhnghềcómã CPC, nếu có)*
1	*(Ngànhkinhdoanhchính)*			
2	.....			

Ghichú:

- Ngànhkinhdoanhghiđầutiênlàngànhkinhdoanhchínhcủadựán.

- (*) Chighimãngành CPC đốivớicácmụctiêuhoạtđộngthuộcngànhnghềđầutưcóđiềukiệnápdụngđốivớinhà ĐTNN khicấp GCNĐKĐT.

3. Quymôđầutư:

Miêutảquymôbằngcáctiêuchí:

- Côngsuấtthiếtkế: .....

- Sảnphẩm, dịchvụcungcấp: .....

- Diệntíchđất, mặtnước, mặtbằngdựkiếnsửdụng*(m^2hoặc ha): .....*

- Quymôkiếntrúcxâydựng*(diệntíchxâydựng, diệntíchsàn, sốtầng, chiềucaocôngtrình,...):*

Trườnghợpdựáncónhiềugiaiđoạn, từnggiaiđoạnđượcmiêutảnhutrên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất*(áp dụng đốivới dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đấttheoquy định tạiđiểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)*

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất *(địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);*

- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất*(nếucó)*;

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất *(lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)*

4.3. Dự kiếnnhu cầu sử dụng đất (*nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng,thờihạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình*).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5.Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư*(nếu có):*

5. Vốnđầutư:

5.1. Tổngvốnđầutư: .....*(bằngchữ)*đồngvàtươngđương ..... *(bằngchữ)*đô la Mỹ, trongđó:

a) Vốncốđịnh:...*(bằngchữ)*đồngvàtươngđương ... *(bằngchữ)*đô la Mỹ.

Trongđó;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư *(nếu có)*:

- Chi phí thuê đất, mặt nước,...:

- Chi phí xây dựng công trình:

- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;

- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.

- Chi phídựphòng;

Cộng: .....

b) Vốnlưuđộng: ....*(bằngchữ)*đồngvàtươngđương ..... *(bằngchữ)*đô la Mỹ.

5.2. Nguồnvốnđầutư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư*(ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư)*:

STT	Tênnhàđầutư	Sốvốngóp	Tỷlệ	Phươngthứcgópvốn	Tiếnđộgópvốn

Mẫu I.1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độclập – Tự do – Hạnhphúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
Kínhgửi: ..... *(Têncơquanđăngkýđầutư)*

Nhàđầutưđềnghịthựchiệndựánđầutưvớicácnội dung nhưsau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhàđầutưthứnhất:

a) Đốivớinhàđầutưlàcánhân:

Họtên: .....Giớitính: .....

Sinhngày: ...../...../.....Quốctịch: .....

Chứng minh nhândân/Căncướccôngdân/Hộchiếusố: .....

Ngàycấp: ...../...../.....Nơicấp: .....

Giấytờchứngthựccánhânkhác*(nếukhôngcó CMND/Căncướccôngdân/Hộchiếu)*: .....

Sốgiấychứngthựccánhân: .....

Ngàycấp: ...../...../.....Ngàyhếthạn: ...../...../.....Nơicấp: .....

Địachithườngtrú: .....

Chỗ ở hiệntại: .....

Điệnthoại: .....Fax: .....Email: .....

b) Đốivớinhàđầutưlàdoanhnghiệp/tổchức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức: .....

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương: .....

Ngày cấp: .....Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điệnthoại: .....Fax: ..... Email: ..... Website: .....

Tỷlệnắmgiữvốnđiềulệcủanhàđầutưnướcngoàitrongdoanhnghiệp/tổchức*(chiápdụngđốivớitrườnghợpnhàđầutưlàdoanhnghiệp/tổchứcthànhlậptạiViệtNam)*:

STT	Tênnhàđầutưnướcngoài	Quốctịch	Sốvốngóp	Tỷlệ

			VNĐ	Tươngđương USD	(%)

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh *(chỉápdụngđốivớitrườnghợpnhàđầutưlàcông ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):*.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họtên: .....Giớitính: .....

Chứcdanh:.....Sinhngày: ...../...../.....Quốctịch: .....

Chứng minh nhândân/Căncướccôngdân/Hộchiếusố: .....

Ngàycấp: ...../...../.....Nơicấp: .....

Địachithườngtrú: .....

Chỗ ở hiệntại: .....

Điệnthoại: .....Fax: .....Email: .....

2. Nhàđầutưtiếptheo:thông tin kêkhaitươngtựnhưnội dung đốivớinhàđầutưthứnhất

II.THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP *(đốivớinhà ĐTNN đầutưtheohìnhthứcthànhlậptổchứckinhtế)*

1. Têntổchứckinhtế: .....

2. Loạihìnhtổchứckinhtế:.....

3. Vốnđiềulệ:.....*(bằngchữ)*đồngvàtươngđương ..... *(bằngchữ)*đô la Mỹ

4. Tỷ lệ góp vốnđiều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tênnhàđầutư	Sốvốngóp		Tỷlệ (%)
		VNĐ	Tươngđương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư: .....

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37Luật đầu tư *(tuỳ theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo)*.

- Các hồ sơ liên quan khác *(nếu có)*:

Làmtại ……., ngày ….. tháng …..năm……

Nhàđầutư

Từngnhàđầutưký,

ghirõhọtên,chứcdanhvàđóngdấu*(nếu có)*

PHỤ LỤC 01

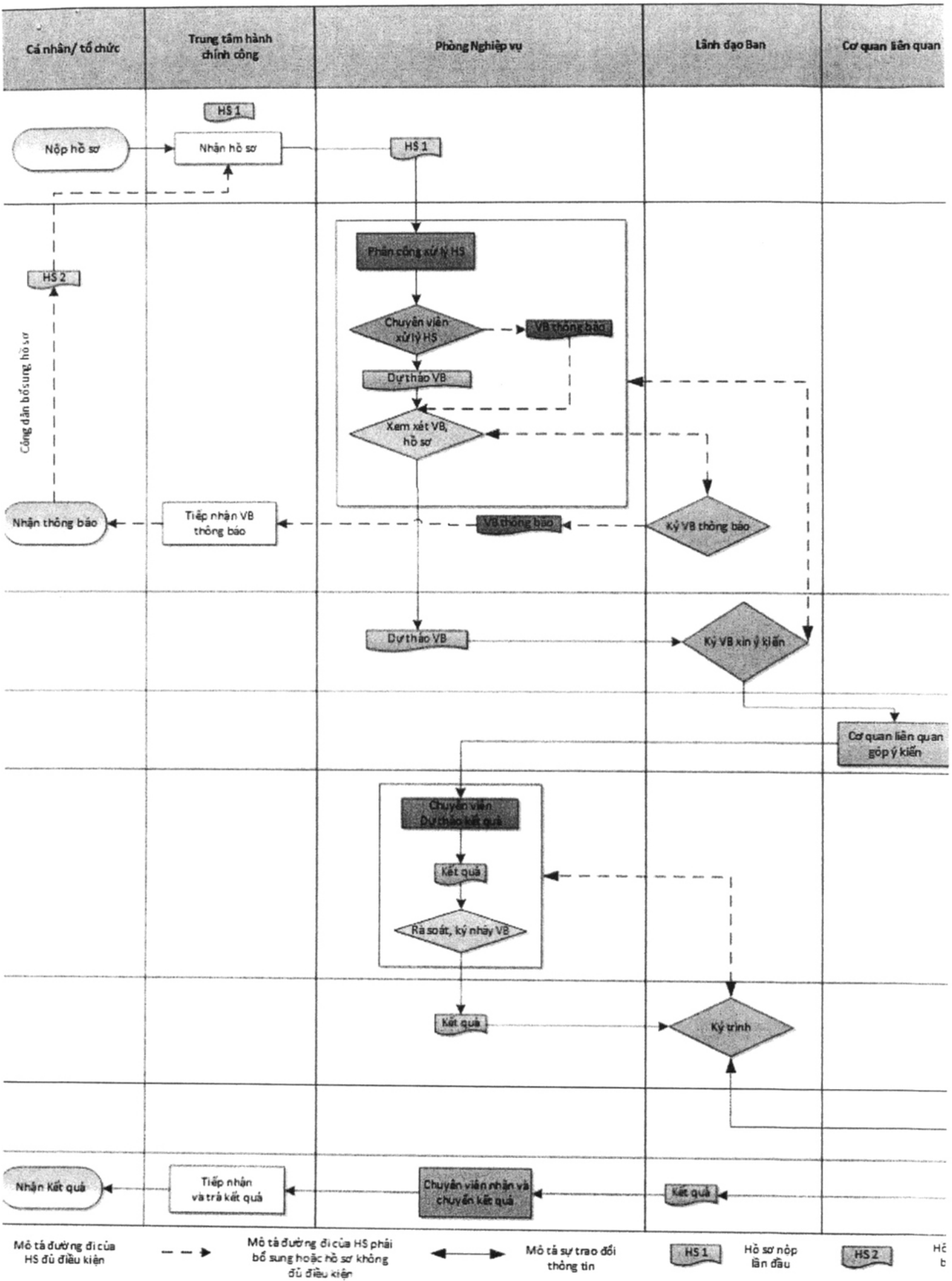
Cá nhân/ tổ chức
Trung tâm hành chính công
Phòng Nghiệp vụ
Lãnh đạo Ban
Cơ quan liên quan
HS 1
Nộp hồ sơ
Nhận hồ sơ
HS 1
Phân công xử lý HS
HS 2
Công dân bổ sung, hồ sơ
Chuyên viên xử lý HS
VB thông báo
Dự thảo VB
Xem xét VB, hồ sơ
Nhận thông báo
Tiếp nhận VB thông báo
VB thông báo
Ký VB thông báo
Dự thảo VB
Ký VB xin ý kiến
Cơ quan liên quan góp ý kiến
Chuyên viên Dự thảo kết quả
Kết quả
Rà soát, ký nháy VB
Kết quả
Ký trình
Nhận Kết quả
Tiếp nhận và trả kết quả
Chuyên viên nhận và chuyển kết quả
Kết quả
Mô tả đường đi của HS đủ điều kiện
Mô tả đường đi của HS phải bổ sung hoặc hồ sơ không đủ điều kiện
Mô tả sự trao đổi thông tin
HS 1
Hồ sơ nộp lần đầu
HS 2